

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 516/TTr-STNMT ngày 09 tháng 12 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương đối với các trường hợp không quy định tại Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

**Điều 3. Tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác**

1. Đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất khi chuyển mục đích sử dụng đất sang mục đích khác phải có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Đối với đất chuyên trồng lúa (đất trồng hai vụ lúa nước trở lên trong năm) chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

3. Đối với tổ chức, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương liên quan**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến quyết định này đến các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tư pháp chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương giải thích quy định pháp luật về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác cho người yêu cầu công chứng khi công chứng các văn bản có nội dung liên quan đến quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, phổ biến Quyết định này bằng nhiều hình thức như niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Văn phòng khu phố, Ấp, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, đảm bảo việc sử dụng đất nông nghiệp đúng mục đích theo quy định pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp các Sở, ngành liên quan hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.



## Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: TP, TNMT, NNPTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 5;
- CSDL quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Báo Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT. *oel*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

